

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Minh

2. Bà Dương Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại hội trường xét xử B - Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 4/3/411 Đà Nẵng, khu TT D, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1937; địa chỉ: Số 4/3/411, khu TT D, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 3 năm 2019, trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, nguyên đơn - Bà Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T và Ông Nguyễn Công K kết hôn cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào năm 1969. Sau khi kết hôn bà T, ông K chung sống hòa thuận hạnh phúc và sinh được 04 người con. Khoảng năm 1984, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K không quan tâm đến bà và các con. Mặc dù, Bà T đã cố gắng chịu đựng để giữ hạnh phúc gia đình, nhưng Ông K vẫn bỏ mặc và vợ chồng sống ly thân. Đến năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ

chồng thực sự không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm gì đối với bà Thục. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công K.

- Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng có 04 con chung là cháu Nguyễn Hồng T, sinh năm 1974; Nguyễn Bích H, sinh năm 1977; Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1979 và cháu Nguyễn Công K, sinh năm 1983. Các con chung đều đã trưởng thành và đều đã có cuộc sống gia đình riêng, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Ông Nguyễn Công K trình bày trong Biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2019 như sau:

Ông K xác nhận lời trình bày của bà T về điều kiện và thời gian kết hôn là đúng. Trong quá trình chung sống, ông thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng hơn 20 năm, nguyên nhân do bà T theo đạo “Thanh Hải vô lượng sư”, không quan tâm đến gia đình. Tuy nhiên, về phía ông cũng chưa phân tích được đúng mực về việc làm của bà T dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Nay bà T có đơn xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Ông K xác nhận vợ chồng có 04 con chung, các cháu đều đã trưởng thành như bà T trình bày, ông thống nhất với ý kiến bà Thục..

- Về tài sản chung: Ông K theo ý kiến bà Thục, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thị T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện và bản tự khai của mình và đề nghị xét xử vắng mặt ông Nguyễn Công K.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, tiến hành tổ chức phiên tiếp cận chứng cứ, hòa giải Ông Nguyễn Công K đều vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Ông Nguyễn Công K cũng đã có quan điểm khai nhận về nội dung khởi kiện của bà T và đề nghị tòa xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị

Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Công K; địa chỉ: Số 4/3/411 Đà, khu TT D, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Quá trình thụ lý do có cung cấp địa chỉ ở cùng con gái tại số 05 tầng 20 chung cư Borabora, phường B, quận X, thành phố Hồ Chí Minh, nên Tòa án đã ra quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân quận 2, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên Tòa án nhân dân quận 2, thành phố Hồ Chí Minh qua xác minh Ông Nguyễn Công K vẫn sinh sống và sinh hoạt đăng tại địa chỉ thành phố Hải Phòng, nên đã chuyển trả hồ sơ về cho Tòa án nhân dân quận Hải An thụ lý. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ông Nguyễn Công K, bà Bùi Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về hôn nhân:

[3] Bà Bùi Thị T và Ông Nguyễn Công K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, nhưng theo tài liệu gốc không lưu trữ vào thời điểm làm thủ tục kết hôn hôn năm 1969. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 35/QH10 thì được coi là hôn nhân thực tế và theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[4] Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Thục, ông K qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã xác minh, thu thập tại địa phương đúng với thực tế: Do vợ chồng không hợp nhau trong quan điểm sống, quan điểm tự do tín ngưỡng, cả hai sống ly thân từ khoảng 20 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Tòa án đã thông tin liên lạc, niêm yết, giao thông báo thụ lý trực tiếp đến nơi cư trú và làm việc với ông Khoa, ông không đồng ý ly hôn, nhưng ông đề nghị vắng mặt và đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. Điều đó cho thấy ông K không thực sự đưa ra biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, bà T kiên quyết đề nghị được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai ông bà thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy nên nguyện vọng xin ly hôn của bà T đối với ông K là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Ông Khoa, bà T xác nhận vợ chồng có 04 con là cháu Nguyễn Hồng T, sinh năm 1974; Nguyễn Bích H, sinh năm 1977; Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1979 và cháu Nguyễn Công K, sinh năm 1983. Các con chung đều đã trưởng thành và đều đã có cuộc sống gia đình riêng, bà T, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

[6] Ông Nguyễn Công K, bà Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Bà T là người cao tuổi, nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 19, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Bùi Thị T được ly hôn ông Nguyễn Công K.

2. Về con chung, tài sản chung: Bà Bùi Thị T, Ông Nguyễn Công K thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị T. Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí sơ thẩm số 0004931 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Công K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND xã Minh Đức, huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Đức Hoàng